

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/8/2024.

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Tấn Lập.

2/ Bà Đoàn Thanh Thuý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Đoàn Văn L**, sinh năm 1978; Địa chỉ: **ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên bà **Ngô Thị C** trình bày như sau:**

- **Về hôn nhân:** Bà **Ngô Thị C** và ông **Đoàn Văn L** tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, gần đây bà và ông **L** bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do

tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống nên bà và ông **L** thường xuyên cự cãi nhau; bà và ông **L** đã sống ly thân với nhau hơn năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Đoàn Văn L**.

- *Về con chung*: Bà và ông **L** có hai người con chung tên **Đoàn Ngọc Phước E**, sinh năm 2003 và **Đoàn Minh Đ**, sinh năm 2008. Ly hôn, bà **C** yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng **Đoàn Minh Đ** và không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng **Đoàn Ngọc Phước E** đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà **C** xác định bà và ông **L** không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**Bị đơn ông Đoàn Văn L**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **L** đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **L** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện bà **Ngô Thị C** yêu cầu được ly hôn với ông **Đoàn Văn L**, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông **Đoàn Văn L** có nơi cư trú tại **xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà **Ngô Thị C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông **Đoàn Văn L** được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Bà **Ngô Thị C** và ông **Đoàn Văn L** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét thấy bà **C** và ông **L** chung sống với nhau từ năm 2000, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà **Ngô Thị C** và ông **Đoàn Văn L** là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Bà **C** khai rằng trong quá trình chung sống bà và ông **L** có hai người con chung tên **Đoàn Ngọc Phước E**, sinh năm 2003 và **Đoàn Minh Đ**, sinh năm 2008. Hiện cháu **Đoàn Ngọc Phước E** đã thành niên nên bà **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Đối với cháu **Đoàn Minh Đ** hiện đang do bà **C** chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà **C** yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Đ** cho đến tuổi thành niên; đồng thời tại bản tự cháu **Đ** có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với mẹ. Do đó HĐXX chấp nhận giao cháu **Đoàn Minh Đ** cho bà **Ngô Thị C** tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà **C** không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà **C** xác nhận là không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà **Ngô Thị C** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà **Ngô Thị C** và ông **Đoàn Văn L** là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu **Đoàn Minh Đ**, sinh năm 2008 cho bà **Ngô Thị C** được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian bà **C** nuôi con, ông **L** được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà **Ngô Thị C** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001209 ngày 24/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà **Ngô Thị C** không phải nộp thêm, ông **Đoàn Văn L** không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**